

KẾT QUẢ PHÚC KHẢO KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM 2026
MÔN: KHÔNG CHUYÊN

(Kèm Công văn số /SGDDT-QLCL-CDS ngày /7/2026 của Sở GD&ĐT)

STT	Điểm Thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		Ghi chú
					Trước PK	Sau PK	Trước PK	Sau PK	Trước PK	Sau PK	
1	THCS&THPT Bình Phong Thạnh	070202	Phan Thị Ngọc Yến	14/2/2011	3,00	3,00	2,25	2,25	1,50	1,50	
2	THPT Tân Thạnh	800449	Trần Bảo Tiên	13/11/2011	3,50	3,50	1,25	1,25	3,25	3,25	
3	THPT Tân Thạnh	800468	Nguyễn Phú Sơn Trà	28/07/2011	2,00	2,00	4,50	4,50	2,25	2,25	
4	THCS&THPT Hậu Thạnh Đông	0900060	Nguyễn Nam Hải	10/12/2011	5,00	5,00	2,00	2,00	5,00	5,00	
5	THCS&THPT Hậu Thạnh Đông	0900166	Lê Hoàng Nam	12/04/2011	6,00	6,00	3,00	3,00	3,25	3,25	
6	THCS&THPT Hậu Thạnh Đông	0900344	Võ Thị Cẩm Tú	15/12/2011	5,25	5,25	3,75	3,75	3,25	3,25	
7	THPT Thạnh Hóa	100148	Nguyễn Tấn Khang	25/09/2011			0,00	0,00			
8	THPT Tân An	110059	Trần Gia Bảo	12/08/2011			5,75	5,75			
9	THPT Tân An	110070	Nguyễn Hoàng Bảo Châu	26/11/2011	7,00	7,00			4,75	4,75	
10	THPT Tân An	110082	Nguyễn Ngọc Diệp	27/12/2011	8,00	8,00	5,75	5,75			
11	THPT Tân An	110111	Phan Thành Đạt	13/06/2011	5,75	5,75	1,75	1,75	5,00	5,00	
12	THPT Tân An	110233	Cao Minh Anh Khoa	17/11/2011	7,00	7,00	7,00	7,00			
13	THPT Tân An	110267	Phan Nguyễn Diệu Linh	06/08/2011					4,00	4,00	
14	THPT Tân An	110281	Hồ Khánh Minh	15/11/2011	6,50	6,50	7,25	7,25			
15	THPT Tân An	110291	Trần Phúc Minh	13/10/2011	8,50	8,50	4,00	4,00			
16	THPT Tân An	110379	Phan Thị Quỳnh Như	14/7/2011	9,00	9,00	2,25	2,25			
17	THPT Tân An	110390	Lê Trần Hoàng Phát	18/08/2011	8,25	8,25	5,00	5,00	7,00	7,00	
18	THPT Tân An	110431	Nguyễn Liêu Tuấn Quốc	03/05//2011	7,25	7,25	8,25	8,25			
19	THPT Tân An	110433	Nguyễn Kim Quý	03/04/2011	7,00	7,00	6,50	6,50	6,50	6,50	
20	THPT Tân An	110435	Trần Ngọc Phương Quyên	02/09/2011	8,25	8,25	5,75	5,75	6,00	6,00	
21	THPT Tân An	110478	Huỳnh Quốc Thái	25/2/2011	8,25	8,25	7,00	7,00	5,00	5,00	
22	THPT Tân An	110497	Huỳnh Ngọc Thiên	21/08/2011	8,00	8,00	7,50	7,50	4,50	4,50	
23	THPT Tân An	110502	Nguyễn Phước Thiện	30/7/2011			5,75	5,75	3,75	3,75	
24	THPT Tân An	110583	Hà Nguyễn Ngọc Phương Vy	14/12/2011			6,25	6,25	5,75	5,75	
25	THPT Tân An	110594	Nguyễn Thị Tường Vy	29/11/2011	9,00	9,00	6,25	6,25	5,00	5,00	
26	THPT Tân An	110624	Trương Phú Khang	10/07/2011	6,75	6,75	7,25	7,25	6,00	6,00	
27	THPT Tân An	120507	Phạm Khánh Ngân	03/09/2011	6,25	6,25	7,00	7,00	6,00	6,00	
28	THPT Lê Quý Đôn - Long An	130038	Võ Diệu Anh	16/03/2011	6,92	6,92	3,50	3,50			
29	THPT Lê Quý Đôn - Long An	130118	Vũ Nguyễn Ngọc Hân	12/03/2011	4,75	4,75	5,25	5,25			

STT	Điểm thi	SRN	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		Ghi chú
30	THPT Lê Quý Đôn - Long An	130152	Tạ Nguyễn Minh Hưng	24/06/2011	6,75	6,75	3,00	3,00	3,00	3,00	
31	THPT Lê Quý Đôn - Long An	130182	Nguyễn Đăng Khoa	09/03/2011	6,00	6,00	7,00	7,00	4,00	4,00	
32	THPT Lê Quý Đôn - Long An	130220	Lý Ngọc Linh	05/10/2011	5,25	5,25	5,50	5,50	5,25	5,25	
33	THPT Lê Quý Đôn - Long An	130233	Trần Lê Thành Lộc	17/02/2011			4,75	4,75			
34	THPT Lê Quý Đôn - Long An	130271	Hoàng Kim Ngân	15/09/2011	7,25	7,25	5,00	5,00			
35	THPT Lê Quý Đôn - Long An	130327	Võ Bảo Ngọc	08/05/2011	5,75	5,75	3,00	3,00			
36	THPT Lê Quý Đôn - Long An	130452	Trần Tấn Tài	19/12/2011	7,75	7,75	3,75	3,75	5,50	5,50	
37	THPT Lê Quý Đôn - Long An	130458	Đoàn Minh Tân	12/01/2011	7,00	7,00	6,00	6,00			
38	THPT Lê Quý Đôn - Long An	130633	Phạm Thị Hồng Yến	06/06/2011	7,50	7,50	3,00	3,00			
39	THPT Hùng Vương	140009	Lê Văn Tuấn Anh	23/08/2011	5,50	5,50					
40	THPT Hùng Vương	140075	Nguyễn Trần Duy	31/07/2011	6,25	6,25					
41	THPT Hùng Vương	140096	Nguyễn Hồng Gấm	14/11/2011	6,50	6,50	3,00	3,00	2,25	2,25	
42	THPT Hùng Vương	140189	Nguyễn Ngọc Hoàng Lan	03/07/2011	6,50	6,50					
43	THPT Hùng Vương	140239	Trịnh Bảo Ngân	08/12/2011	5,50	5,50	2,75	2,75	3,25	3,25	
44	THPT Hùng Vương	140249	Nguyễn Bảo Ngọc	05/11/2011	5,75	5,75	2,25	2,25	3,50	3,50	
45	THPT Hùng Vương	140349	Phạm Nguyễn Minh Tú	24/12/2011			1,50	1,50	1,25	1,25	
46	THPT Hùng Vương	140430	Trần Nguyễn Thanh Trúc	07/07/2011	5,00	5,00	3,50	3,50	3,25	3,25	
47	THPT Nguyễn Thông	150016	Đỗ Lê Minh Anh	27/11/2011			6,75	6,75			
48	THPT Nguyễn Thông	150242	Võ Ngọc Trọng Khang	16/05/2011	3,75	3,75	3,25	3,25	3,75	3,75	
49	THPT Nguyễn Thông	150291	Đặng Di Lộc	28/05/2011	6,00	6,00	1,75	1,75	3,00	3,00	
50	THPT Nguyễn Thông	150411	Lê Nguyễn Yến Nhi	14/07/2011	2,25	2,25	3,50	3,50	4,00	4,00	
51	THPT Nguyễn Thông	150456	Nguyễn Tấn Phát	08/11/2011	4,00	4,00	3,00	3,00	3,75	3,75	
52	THPT Nguyễn Thông	150474	Ung Hoàng Phú	15/10/2011	6,00	6,00	2,00	2,00	2,75	2,75	
53	THPT Nguyễn Thông	150563	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	21/08/2011	3,25	3,25	2,50	2,50	3,00	3,00	
54	THPT Nguyễn Thông	150706	Võ Minh Trí	18/01/2011					6,00	6,00	
55	THPT Nguyễn Thông	150782	Nguyễn Thị Kim Yến	16/01/2011	7,00	7,00	2,50	2,50	1,25	1,25	
56	THPT Phan Văn Đạt	160116	Nguyễn Hoàng Bảo Khang	16/09/2010	1,00	1,00			1,50	1,50	

STT	Điểm Thi	SRD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		Ghi chú
57	THPT Thủ Thừa	190060	Nguyễn Thành Công	25/11/2011			3,50	3,50	1,75	1,75	
58	THPT Thủ Thừa	190159	Nguyễn Thị Thanh Hiền	12/08/2011	5,25	5,25	4,50	4,50	2,50	2,50	
59	THPT Thủ Thừa	190258	Võ Huỳnh Đăng Khoa	04/03/2011	2,50	2,50	2,00	2,00	3,50	3,50	
60	THPT Thủ Thừa	190289	Nguyễn Quý Lộc	23/08/2011	4,50	4,50					
61	THPT Thủ Thừa	190335	Đặng Ngọc Kim Ngân	18/10/2011	6,25	6,25					
62	THPT Thủ Thừa	190527	Đặng Thanh Sang	27/3/2011	4,50	4,50					
63	THCS Nhị Thành	190554	Trần Thị Thủy Tiên	11/06/2011	5,50	5,50	1,25	1,25	5,50	5,50	
64	THPT Thủ Thừa	190619	Huỳnh Nguyễn Phúc Thịnh	02/5/2011	5,00	5,00	3,00	3,00			
65	THCS Nhị Thành	190637	Nguyễn Thành Thuận	07/5/2011			3,00	3,00			
66	THCS Nhị Thành	190639	Võ Hùng Thuận	30/11/2011	5,25	5,25	3,50	3,50			
67	THPT Mỹ Lạc	200190	Nguyễn Thị Thanh Thư				0,00	0,00			
68	THPT GÒ ĐEN	210067	Trần Thị Thùy Dung	16/05/2011	5,75	5,75	4,75	4,75	2,50	2,50	
69	THPT GÒ ĐEN	210076	Nguyễn Khang Duy	25/08/2011	5,50	5,50	3,25	3,25	2,75	2,75	
70	THPT GÒ ĐEN	210102	Bùi Minh Đăng	24/04/2011	3,75	3,75	6,75	6,75	2,75	2,75	
71	THPT GÒ ĐEN	210133	Trần Ngọc Gia Hân	30/10/2011	4,75	4,75	4,25	4,25	4,00	4,00	
72	THPT GÒ ĐEN	210143	Lương Đỗ Minh Hiếu	13/03/2011			3,50	3,50	3,75	3,75	
73	THPT GÒ ĐEN	210148	Võ NgọcC Như Hoa	20/11/2011	7,00	7,00	3,25	3,25			
74	THPT GÒ ĐEN	210153	Nguyễn Minh Hoàng	24/10/2011	5,75	5,75	3,00	3,00			
75	THPT GÒ ĐEN	210172	Trang Điền Thế Huy	02/11/2011	6,75	6,75	3,00	3,00	2,00	2,00	
76	THPT GÒ ĐEN	210186	Đặng Quốc Kiệt	18/02/2011	5,75	5,75	3,25	3,25	3,75	3,75	
77	THPT GÒ ĐEN	210191	Phan Tuấn Kiệt	22/05/2011	3,75	3,75					
78	THPT GÒ ĐEN	210297	Phạm Nguyễn Trà My	21/12/2011	5,25	5,25	4,50	4,50	3,50	3,50	
79	THPT GÒ ĐEN	210339	Nguyễn Hiếu Nghĩa	06/09/2011	5,75	5,75	2,75	2,75	4,75	4,75	
80	THPT GÒ ĐEN	210351	Nguyễn Ánh Ngọc	12/09/2011	5,00	5,00	3,75	3,75	4,00	4,00	
81	THPT GÒ ĐEN	210359	Phạm Phúc Nguyên	13/06/2011			3,50	3,50			
82	THPT GÒ ĐEN	210397	Nguyễn Ngọc Nhung	11/02/2011	5,75	5,75					
83	THPT GÒ ĐEN	210474	Trần Minh Quân	16/09/2011			3,00	3,00	3,25	3,25	
84	THPT GÒ ĐEN	210496	Phan NgọcC Xuân QuyNh	14/01/2011	5,75	5,75	3,00	3,00	3,75	3,75	
85	THCS GÒ ĐEN	210526	Trần Văn Tiến	14/03/2011	5,00	5,00					
86	THCS GÒ ĐEN	210536	Nguyễn HoàNg Tuấn	13/01/2011	6,00	6,00	2,50	2,50	3,75	3,75	
87	THCS GÒ ĐEN	210552	Võ HồNg Thái	22/06/2011	7,25	7,25	2,50	2,50	3,50	3,50	
88	THCS GÒ ĐEN	210573	Huỳnh Quốc Thắng	14/04/2011	5,50	5,50					
89	THCS GÒ ĐEN	210576	Nguyễn Võ Quốc Thắng	05/12/2011	5,00	5,00	4,25	4,25			

STT	Điểm Thi	SRĐ	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		Ghi chú
90	THCS GÒ ĐEN	210608	Ngô Khánh Thu	27/10/2011	6,50	6,50					
91	THCS GÒ ĐEN	210627	Lê Ngọc Bảo Trâm	20/07/2011	4,75	4,75			2,25	2,25	
92	THCS GÒ ĐEN	210637	Nguyễn Thị Huyền Trân	10/04/2011			2,75	2,75			
93	THCS GÒ ĐEN	210646	Kiều Thị Phương Trinh	26/11/2011	4,50	4,50			3,75	3,75	
94	THCS&THPT Lương Hòa	220019	Trần Huỳnh Thiên Bảo	19/9/2011	5,75	5,75	3,00	3,00	2,25	2,25	
95	THCS&THPT Lương Hòa	220081	Nguyễn Quốc Huy	10/09/2011	5,50	5,50	2,00	2,00	3,25	3,25	
96	THCS&THPT Lương Hòa	220082	Phạm Gia Huy	18/12/2011	5,25	5,25	2,25	2,25	3,50	3,50	
97	THCS&THPT Lương Hòa	220097	Dương Nguyễn Duy Khang	11/10/2011	5,50	5,50	3,00	3,00	2,00	2,00	
98	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	230161	Phan Trường Giàu	06/04/2011	6,00	6,00					
99	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	230203	Nguyễn Thanh Gia Hân	21/06/2011	7,25	7,25	3,25	3,25	2,50	2,50	
100	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	230216	Hồ Ngọc Hiền	25/12/2011			4,50	4,50	2,25	2,25	
101	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	230304	Huỳnh Thiên Kim	18/07/2011	6,00	6,00	4,50	4,50	3,50	3,50	
102	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	230363	Nguyễn Lê Quốc Khánh	11/12/2011	7,00	7,00	3,00	3,00	4,25	4,25	
103	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	230382	Võ Anh Khoa	12/10/2011	5,75	5,75	2,25	2,25	2,00	2,00	
104	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	230444	Nguyễn Hoàng Minh	07/04/2011	6,00	6,00	4,00	4,00			
105	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	230619	Lê Quang Thế Phong	25/07/2011	5,42	5,42	3,75	3,75	4,00	4,00	
106	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	230740	Nguyễn Thị Kim Tuyền	12/01/2011	7,00	7,00	4,75	4,75			
107	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	230750	Nguyễn Huỳnh Kim Tỷ	20/02/2011	5,50	5,50	5,50	5,50			
108	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	230825	Huỳnh Nguyễn Minh Thư	31/11/2011	6,25	6,25	2,75	2,75	3,00	3,00	
109	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	230926	Dương Ngọc Đỗ Uyên	26/04/2011	5,75	5,75					
110	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	231000	Lê Ngọc Như Ý	18/07/2011			4,00	4,00			
111	THPT Nguyễn Trung Trực - Bến Lức	240044	Trần Gia Bảo	13/02/2011	4,50	4,50					
112	THPT Nguyễn Trung Trực - Bến Lức	240077	Phạm Anh Duy	06/04/2011			4,50	4,50			
113	THPT Nguyễn Trung Trực - Bến Lức	240092	Nguyễn Thành Đạt	27/10/2011	5,75	5,75	2,75	2,75	4,75	4,75	
114	THPT Nguyễn Trung Trực - Bến Lức	240110	Lý Huỳnh Hồng Hạnh	30/10/2011	6,00	6,00	3,25	3,25	2,75	2,75	
115	THPT Nguyễn Trung Trực - Bến Lức	240150	Trần Minh Hòa	02/07/2011			3,00	3,00	5,00	5,00	
116	THPT Nguyễn Trung Trực - Bến Lức	240184	Trần Ngọc Quế Hương	10/03/2011			7,75	7,75	8,50	8,50	
117	THPT Nguyễn Trung Trực - Bến Lức	240213	Huỳnh Vũ Khang	09/12/2011	7,50	7,50			3,00	3,00	
118	THPT Nguyễn Trung Trực - Bến Lức	240247	Nguyễn Văn Hoàng Khôi	16/6/2011	4,00	4,00	3,75	3,75	3,50	3,50	
119	THPT Nguyễn Trung Trực - Bến Lức	240253	Trương Đăng Khôi	28/6/2011			4,50	4,50			
120	THPT Nguyễn Trung Trực - Bến Lức	240305	Trần Ngô Huệ Mẫn	05/07/2011	7,00	7,00					
121	THPT Nguyễn Trung Trực - Bến Lức	240332	Nguyễn Hoàng Nam	16/12/2011			3,50	3,50	3,25	3,25	
122	THPT Nguyễn Trung Trực - Bến Lức	240717	Phạm Như Ý	05/01/2011			2,50	2,50			

STT	Điểm Thi	SRD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		Ghi chú
123	THCS Võ Văn Tần	250082	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	23/02/2011	8,25	8,25	6,75	6,75	4,50	4,50	
124	THCS Võ Văn Tần	250096	Dương Mỹ Bình	23/06/2011	8,00	8,00	3,75	3,75	3,75	3,75	
125	THCS Võ Văn Tần	250100	Huỳnh Chí Công	06/09/2011	8,00	8,00	5,50	5,50			
126	THCS Võ Văn Tần	250120	Trần Thị Mỹ Dung	21/05/2011	8,00	8,00	5,75	5,75	4,50	4,50	
127	THCS Võ Văn Tần	250141	Võ Ngọc Mỹ Duyên	28/09/2011			5,50	5,50	3,75	3,75	
128	THCS Võ Văn Tần	250146	Võ Ngọc Thùy Dương	24/10/2011	8,00	8,00	3,00	3,00	4,00	4,00	
129	THCS Võ Văn Tần	250211	Lê Nguyên Hạo	16/12/2011			6,25	6,25			
130	THCS Võ Văn Tần	250220	Mạc Bảo Hân	05/11/2011	6,00	6,00					
131	THCS Võ Văn Tần	250228	Nguyễn Ngọc Gia Hân	15/01/2011	7,00	7,00			4,50	4,50	
132	THCS Võ Văn Tần	250262	Đoàn Nhật Huy	31/12/2011	7,83	7,83	5,25	5,25			
133	THCS Võ Văn Tần	250275	Nguyễn Hoàng Huy	22/12/2011	6,75	6,75					
134	THCS Võ Văn Tần	250350	Lê Anh Khôi	04/10/2011	4,75	4,75	5,50	5,50	5,25	5,25	
135	THCS Võ Văn Tần	250388	Nguyễn Thị Mỹ Linh	12/12/2011	7,50	7,50	5,00	5,00	4,00	4,00	
136	THCS Võ Văn Tần	250402	Nguyễn Thế Long	13/10/2011	6,00	6,00					
137	THCS Võ Văn Tần	250450	Tổng Hoàng Bảo My	18/7/2011	7,25	7,25	4,00	4,00	5,25	5,25	
138	THCS Võ Văn Tần	250557	Dương Nguyễn Hồng Nhung	15/12/2011	7,75	7,75	6,00	6,00			
139	THCS Võ Văn Tần	250632	Nguyễn Ngọc Lan Phương	03/06/2011	8,75	8,75	6,25	6,25			
140	THCS Võ Văn Tần	250648	Nguyễn Minh Quân	15/6/2011	6,00	6,00	4,25	4,25	6,00	6,00	
141	THCS Võ Văn Tần	250651	Trần Minh Quân	26/12/2011	5,50	5,50					
142	THCS Võ Văn Tần	250664	Võ Nguyễn Nhã Quỳnh	26/05/2011	4,75	4,75	6,00	6,00	5,25	5,25	
143	THCS Võ Văn Tần	250691	Cao Đức Tín	24/06/2011	8,25	8,25					
144	THCS Võ Văn Tần	250698	Phạm Hữu Toàn	16/01/2011	6,75	6,75					
145	THCS Võ Văn Tần	250699	Trần Phước Toàn	11/5/2011			7,50	7,50	6,00	6,00	
146	THCS Võ Văn Tần	250707	Nguyễn Minh Tuấn	15/03/2011					4,50	4,50	
147	THCS Võ Văn Tần	250781	Đào Thị Thủy	20/10/2011	6,08	6,08	5,25	5,25	5,75	5,75	
148	THCS Võ Văn Tần	250795	Nguyễn Trần Anh Thư	02/10/2011	7,00	7,00	4,75	4,75			
149	THCS Võ Văn Tần	250835	Phan Lê Ngọc Trân	17/5/2011					5,00	5,00	
150	THCS Võ Văn Tần	250904	Lê Triệu Vy	19/12/2011	5,25	5,25	6,25	6,25			
151	THCS Võ Văn Tần	250911	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	09/12/2011			3,75	3,75			
152	THPT Võ Văn Tần	260031	Nguyễn Tuấn Anh	20/10/2011	5,58	5,58	5,50	5,50	5,00	5,00	
153	THPT Võ Văn Tần	260041	Trần Đỗ Đức Anh	01/01/2011	7,00	7,00					
154	THPT Võ Văn Tần	260046	Võ Lê Quỳnh Anh	30/5/2011					4,50	4,50	
155	THPT Võ Văn Tần	260062	Trương Minh Ân	23/04/2011	4,25	4,25	3,25	3,25	4,25	4,25	

STT	Điểm Thi	SRN	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		Ghi chú
156	THPT Võ Văn Tần	260072	Lý Gia Bảo	19/05/2010	6,25	6,25	5,75	5,75			
157	THPT Võ Văn Tần	260123	Nguyễn Công Danh	20/9/2011	4,75	4,75	5,50	5,50	6,00	6,00	
158	THPT Võ Văn Tần	260163	Nguyễn Quốc Đại	08/06/2011			2,75	2,75			
159	THPT Võ Văn Tần	260169	Cái Thị Hồng Đào	24/12/2011	5,42	5,42	5,50	5,50	4,75	4,75	
160	THPT Võ Văn Tần	260182	Nguyễn Thành Đạt	07/11/2011	4,00	4,00			5,50	5,50	
161	THPT Võ Văn Tần	260188	Sầm Tuấn Đại	21/01/2011	4,00	4,00			3,75	3,75	
162	THPT Võ Văn Tần	260232	Lê Thượng Hải	10/11/2011	7,50	7,50	4,50	4,50	3,00	3,00	
163	THPT Võ Văn Tần	260319	Nguyễn Gia Huy	14/12/2011			5,75	5,75			
164	THPT Võ Văn Tần	260340	Mai Thị Lệ Huyền	24/01/2010	5,00	5,00	2,75	2,75	3,75	3,75	
165	THPT Võ Văn Tần	260375	Đoàn Trung Kỳ	28/05/2010	6,50	6,50	6,25	6,25			
166	THPT Võ Văn Tần	260385	Đoàn Minh Khang	26/11/2011	6,25	6,25	3,50	3,50			
167	THPT Võ Văn Tần	260474	Mang Nguyễn Trúc Linh	06/09/2011	3,50	3,50					
168	THPT Võ Văn Tần	260496	Lê Nguyễn Hoàng Lộc	15/12/2011	6,00	6,00	3,50	3,50			
169	THPT Võ Văn Tần	260519	Nguyễn Kiều Mi	23/12/2009	6,25	6,25					
170	THPT Võ Văn Tần	260548	Châu Nguyễn Hoài Nam	08/08/2011	6,00	6,00	5,50	5,50	4,25	4,25	
171	THPT Võ Văn Tần	260613	Lê Thị Bảo Ngọc	21/11/2011			5,00	5,00	3,50	3,50	
172	THPT Đức Hòa	260655	Đinh Nguyễn Yến Nhi	08/08/2011	5,00	5,00	3,00	3,00	3,25	3,25	
173	THPT Đức Hòa	260671	Nguyễn Hạo Nhiên	17/6/2011	6,50	6,50	4,00	4,00	5,50	5,50	
174	THPT Đức Hòa	260676	Nguyễn Yến Nhung	31/12/2011	3,75	3,75					
175	THPT Đức Hòa	260694	Trần Ngọc Như	21/07/2011	7,00	7,00	5,75	5,75	3,50	3,50	
176	THPT Đức Hòa	260749	Lý Kim Phụng	12/08/2011	7,50	7,50					
177	THPT Đức Hòa	260769	Phạm Duy Quang	21/08/2011	5,25	5,25					
178	THPT Đức Hòa	260838	Nguyễn Thị Kiều Tiên	25/03/2011	7,75	7,75	5,50	5,50			
179	THPT Đức Hòa	260863	Phạm Anh Tú	09/11/2011	7,00	7,00	3,00	3,00	3,50	3,50	
180	THPT Đức Hòa	260876	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	28/06/2011	7,00	7,00	4,25	4,25			
181	THPT Đức Hòa	260941	Nguyễn Hoàng Thông	05/05/2011	6,00	6,00			2,50	2,50	
182	THPT Đức Hòa	260991	Mai Thy	06/11/2011	7,00	7,00	3,25	3,25	3,50	3,50	
183	THPT Đức Hòa	261006	Lâm Ngọc Trâm	26/10/2011	5,25	5,25	4,50	4,50	3,25	3,25	
184	THPT Đức Hòa	261038	Nguyễn Minh Triết	22/09/2011	5,75	5,75			4,50	4,50	
185	THPT Đức Hòa	261076	Huỳnh Khánh Vinh	05/03/2010	5,75	5,75	4,50	4,50	3,75	3,75	
186	THPT Đức Hòa	261081	Lưu Trí Vĩnh	01/04/2011	6,50	6,50	5,50	5,50	4,25	4,25	
187	THPT Đức Hòa	261106	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	08/07/2011			4,00	4,25	4,00	4,00	Lệch điểm
188	THPT Đức Hòa	261121	Phạm Thị Tường Vy	26/02/2011	6,75	6,75					

STT	Điểm Thi	CRD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		Ghi chú
189	THPT Hậu Nghĩa	270012	Nguyễn Tân Vĩ An	06/04/2011	6,25	6,25	3,00	3,00			
190	THPT Hậu Nghĩa	270013	Nguyễn Thị Khánh An	13/07/2011	7,50	7,50	2,50	2,50	2,50	2,50	
191	THPT Hậu Nghĩa	270020	Trần Minh An	20/04/2011	4,25	4,25	5,25	5,25	4,75	4,75	
192	THPT Hậu Nghĩa	270029	Huỳnh Anh	21/11/2011			5,25	5,25			
193	THPT Hậu Nghĩa	270115	Võ Vòng Gia Bảo	04/10/2010	4,92	4,92	6,00	6,00			
194	THPT Hậu Nghĩa	270195	Võ Triệu Dương	04/03/2011	6,75	6,75	3,75	3,75			
195	THPT Hậu Nghĩa	270212	Nguyễn Thành Đạt	13/06/2011	6,00	6,00	5,50	5,50	2,50	2,50	
196	THPT Hậu Nghĩa	270237	Nguyễn Khánh Hà	27/04/2011	8,50	8,50			3,75	3,75	
197	THPT Hậu Nghĩa	270287	Dương Văn Hậu	10/02/2011	4,50	4,50	7,00	7,00	3,00	3,00	
198	THPT Hậu Nghĩa	270290	Nguyễn Văn Kế Hận	23/07/2011			3,00	3,00			
199	THPT Hậu Nghĩa	270356	Nguyễn Phát Huy	11/06/2011					3,00	3,00	
200	THPT Hậu Nghĩa	270372	Nguyễn Mỹ Huỳnh	14/11/2011	6,83	6,83					
201	THPT Hậu Nghĩa	270416	Lê Trọng Kha	20/01/2011	7,50	7,50					
202	THPT Hậu Nghĩa	270421	Lê Minh Khang	17/09/2011	4,75	4,75	4,00	4,00	5,25	5,25	
203	THPT Hậu Nghĩa	270528	Nguyễn Trần Thuỳ Linh	08/10/2011	5,75	5,75	2,50	2,50	3,25	3,25	
204	THPT Hậu Nghĩa	270621	Nguyễn Trần Khánh Ngà	30/10/2011	6,00	6,00					
205	THPT Hậu Nghĩa	270653	Trần Trọng Nghĩa	01/09/2011	6,75	6,75	2,25	2,25	4,00	4,00	
206	THPT Hậu Nghĩa	270684	Trần Thị Hoài Ngọc	08/04/2011	5,50	5,50	4,50	4,50	3,25	3,25	
207	THPT Hậu Nghĩa	270746	Dương Thị Quỳnh Như	24/07/2011	6,00	6,00	3,75	3,75	3,50	3,50	
208	THPT Hậu Nghĩa	270771	Trần Thị Kiều Oanh	20/05/2011			3,50	3,50	3,75	3,75	
209	THPT Hậu Nghĩa	270901	Nguyễn Ngọc Đan Quỳnh	31/03/2011	5,75	5,75	3,50	3,50			
210	THPT Hậu Nghĩa	270942	Lại Ngọc Thảo Tiên	10/10/2011	8,00	8,00	3,00	3,00	3,25	3,25	
211	THPT Hậu Nghĩa	270997	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	01/01/2011			3,50	3,50			
212	THPT Hậu Nghĩa	271030	Đỗ Thanh Thảo	28/06/2011	6,00	6,00	3,75	3,75	3,50	3,50	
213	THPT Hậu Nghĩa	271089	Phan Nguyễn Hưng Thịnh	18/11/2011	2,00	2,00	4,50	4,50	3,75	3,75	
214	THPT Hậu Nghĩa	271159	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	15/06/2011	4,75	4,75					
215	THPT Hậu Nghĩa	271200	Nguyễn Trọng Trí	07/03/2011	7,00	7,00	3,75	3,75	3,75	3,75	
216	THPT Hậu Nghĩa	271249	Trương Gia Vĩ	20/10/2011			5,50	5,50	3,00	3,00	
217	THPT Hậu Nghĩa	271298	Nguyễn Thị Trúc Vy	22/11/2011	5,75	5,75	4,25	4,25	4,00	4,00	
218	THPT Hậu Nghĩa	271316	Trương Thị Tường Vy	29/01/2011	<u>7,00</u>	<u>7,25</u>	4,00	4,00	3,25	3,25	Lệch điểm
219	THPT Hậu Nghĩa	271323	Nguyễn Ngọc Bảo Xuyên	15/05/2011	<u>7,50</u>	<u>8,00</u>	3,50	3,50	3,25	3,25	Lệch điểm
220	THPT Hậu Nghĩa	271329	Mai Như Ý	31/03/2011	5,25	5,25					
221	THPT Hậu Nghĩa	271334	Nguyễn Trần Như Ý	01/07/2011	<u>6,50</u>	<u>6,75</u>	5,25	5,25	2,25	2,25	Lệch điểm

STT	Điểm Thi	CRD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		Ghi chú
222	THPT An Ninh	280036	Dương Công Bảo	29/7/2011	5,25	5,25	3,00	3,00	4,00	4,00	
223	THPT An Ninh	280038	Huỳnh Gia Bảo	03/09/2011			3,25	3,25			
224	THPT An Ninh	280068	Lê Nguyễn Khánh Duy	15/06/2011	6,25	6,25	2,75	2,75			
225	THPT An Ninh	280069	Nguyễn Phan Thanh Duy	19/8/2011	5,50	5,50	3,25	3,25	3,75	3,75	
226	THPT An Ninh	280172	Lâm Chấn Khải	19/6/2011			5,25	5,25			
227	THPT An Ninh	280184	Phạm Minh Khang	20/4/2011	5,75	5,75	3,50	3,50	3,00	3,00	
228	THPT An Ninh	280196	Hồ Đăng Khoa	19/8/2011	5,75	5,75	2,25	2,25			
229	THPT An Ninh	280262	Nguyễn Thành Nghĩa	15/7/2011	5,25	5,25			4,25	4,25	
230	THPT An Ninh	280285	Trần Quốc Nguyên	05/05/2011					6,25	6,25	
231	THPT An Ninh	280371	Tăng Thanh Tuấn	24/9/2011	5,50	5,50	2,50	2,50			
232	THPT An Ninh	280381	Nguyễn Võ Công Thành	11/05/2011	4,50	4,50	5,25	5,25	2,75	2,75	
233	THPT An Ninh	280384	Trương Ngọc Thảo	15/09/2011	7,33	7,33	1,75	1,75	3,00	3,00	
234	THPT An Ninh	280397	Bùi Quốc Thịnh	11/02/2011	5,92	5,92	3,00	3,00	3,25	3,25	
235	THPT Đức Huệ	290027	Đoàn Gia Bảo	08/12/2011	3,50	3,50	2,50	2,50	3,75	3,75	
236	THPT Đức Huệ	290068	Phan Tuấn Đạt	21/09/2011	4,25	4,25	2,75	2,75	<u>2,75</u>	<u>3,00</u>	Lệch điểm
237	THPT Đức Huệ	290071	Huỳnh Minh Điền	19/03/2011	5,50	5,50					
238	THPT Đức Huệ	290134	Nguyễn Thị Kim Hương	25/12/2011	4,25	4,25	2,25	2,25	3,00	3,00	
239	THPT Đức Huệ	290200	Đặng Gia Linh	29/10/2011					<u>1,25</u>	<u>1,50</u>	Lệch điểm
240	THPT Đức Huệ	290230	Lại Thực Mỹ	02/11/2011	3,50	3,50	2,75	2,75	3,00	3,00	
241	THPT Đức Huệ	290262	Phan Trần Thảo Nguyên	19/08/2011			0,75	0,75			
242	THPT Đức Huệ	290402	Huỳnh Nguyễn Thị Tú Thư	30/03/2011	3,75	3,75					
243	THPT Đức Huệ	290433	Lê Trần Bảo Trân	02/10/2011	5,00	5,00	2,75	2,75	2,00	2,00	
244	THPT Đức Huệ	290434	Nguyễn Kim Bảo Trân	07/03/2011	3,25	3,25					
245	THPT Đức Huệ	290456	Nguyễn Nhã Trúc	21/10/2011	3,00	3,00	3,00	3,00	3,75	3,75	
246	THCS&THPT Mỹ Quý	300111	Phạm Thành Nhân	26/08/2011			0,75	0,75	2,50	2,50	
247	THCS&THPT Mỹ Quý	300186	Võ Minh Trí	12/08/2011	4,00	4,00	0,75	0,75	2,00	2,00	
248	TH&THPT Mỹ Bình	310005	Trần Gia Bảo	27/08/2011	3,00	3,00					
249	TH&THPT Mỹ Bình	310053	Lê Phạm Phương Linh	28/04/2011	5,50	5,50	1,75	1,75	3,50	3,50	
250	TH&THPT Mỹ Bình	310140	Dương Tường Vy	29/11/2011			1,75	1,75			

STT	Điểm Thi	SRN	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		Ghi chú
251	THPT Cần Giuộc	320225	Đào Lý Trung Kiên	13/08/2011	6,25	6,25	4,75	4,75	3,25	3,25	
252	THPT Cần Giuộc	320367	Võ Nguyễn Đông Nhi	18/12/2011	7,25	7,25	3,25	3,25	3,75	3,75	
253	THPT Cần Giuộc	320392	Đỗ Kim Phát	12/05/2011	6,00	6,00			4,00	4,00	
254	THPT Cần Giuộc	320529	Nguyễn Ngọc Minh Thùy	21/06/2011			8,00	8,00			
255	THPT Nguyễn Đình Chiểu	330060	Trần Thị Kim Cương	02/12/2011			5,75	5,75			
256	THPT Nguyễn Đình Chiểu	330258	Trần Ngọc Lâm	17/10/2011	3,75	3,75	2,25	2,25	3,25	3,25	
257	THPT Nguyễn Đình Chiểu	330479	Trần Đại Quang	05/3/2011	4,50	4,50	1,75	1,75	2,50	2,50	
258	THPT Nguyễn Đình Chiểu	330603	Võ Ngọc Phương Trang	03/5/2011	4,00	4,00	2,00	2,00	3,00	3,00	
259	THPT Nguyễn Đình Chiểu	330660	Nguyễn Gia Tường	13/11/2011	5,00	5,00	2,00	2,00	2,00	2,00	
260	THPT Đông Thạnh	340023	Nguyễn Quỳnh Anh	18/06/2011					2,25	2,25	
261	THPT Đông Thạnh	340078	Trần Anh Duy	09/05/2011	3,50	3,50	3,25	3,25	3,25	3,25	
262	THPT Đông Thạnh	340105	Võ Thành Đạt	31/01/2011	3,25	3,25	3,25	3,25	4,75	4,75	
263	THPT Đông Thạnh	340238	Phạm Tuấn Kiệt	05/12/2011	3,00	3,00			3,25	3,25	
264	THPT Đông Thạnh	340332	Huỳnh Khánh Ngọc	03/09/2011	3,25	3,25	3,75	3,75	3,25	3,25	
265	THPT Đông Thạnh	340337	Nguyễn Lê Thanh Ngọc	08/02/2011			7,50	7,50			
266	THPT Đông Thạnh	340629	Ngô Thị An Vy	18/07/2011	3,75	3,75			3,75	3,75	
267	THCS&THPT Nguyễn Thị Một	350023	Phùng Gia Bảo	06/10/2011	3,75	3,75	1,00	1,00	4,25	4,25	
268	THCS&THPT Nguyễn Thị Một	350066	Liều Nhật Hiếu	29/07/2011	6,00	6,00	2,25	2,25	1,00	1,00	
269	THCS&THPT Nguyễn Thị Một	350077	Trần Trọng Huy	14/10/2011	5,00	5,00	1,75	1,75	2,50	2,50	
270	THCS&THPT Nguyễn Thị Một	350108	Nguyễn Đăng Khôi	15/08/2011	3,75	3,75	3,00	3,00	2,75	2,75	
271	THCS&THPT Nguyễn Thị Một	350147	Nguyễn Văn Nghĩa	27/12/2011	1,75	1,75	3,00	3,00	3,25	3,25	
272	THCS&THPT Nguyễn Thị Một	350168	Huỳnh Hữu Nhân	29/07/2011	3,50	3,50	2,75	3,00	1,25	1,25	Lệch điểm
273	THCS&THPT Nguyễn Thị Một	350311	Trần Nguyễn Tường Vy	17/08/2011	5,75	5,75	1,00	1,00	2,75	2,75	
274	THPT Rạch Kiến	360004	Nguyễn Trí An	03/07/2009	6,00	6,00	1,25	1,25	3,00	3,00	
275	THPT Rạch Kiến	360135	Ngô Minh Đạt	29/09/2010	5,50	5,50	3,00	3,00			
276	THPT Rạch Kiến	360175	Mai Thị Ngọc Hân	30/09/2011	6,75	6,75	2,25	2,25	1,50	1,50	
277	THPT Rạch Kiến	360214	Trần Huy Hoàng	07/12/2010	5,75	5,75	3,25	3,25	1,25	1,25	
278	THPT Rạch Kiến	360545	Võ Ngọc Bảo Phương	06/03/2010	5,00	5,00	2,00	2,00	2,25	2,25	
279	THPT Rạch Kiến	360549	Đỗ Bùi Anh Quân	29/03/2011	4,50	4,50	2,50	2,50	3,50	3,50	
280	THPT Rạch Kiến	360578	Nguyễn Tấn Sang	28/12/2011			0,00	0,00			
281	THPT Rạch Kiến	360582	Nguyễn Xuân Tài	07/05/2011	5,00	5,00	2,50	2,50	2,75	2,75	
282	THPT Long Cang	370056	Khấu Thị Ánh Dương	16/07/2011	4,00	4,00	0,25	0,25			
283	THPT Long Cang	370226	Trương Thị Hồng Ngọc	27/05/2011			0,75	0,75			

STT	Điểm thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		Ghi chú
284	THPT Long Cang	370344	Lê Tấn Thành	24/02/2011	6,00	6,00	0,50	0,50	3,50	3,50	
285	THPT Long Cang	370346	Nguyễn Tuấn Thành	20/08/2011	3,00	3,00					
286	THPT Cần Đước	380253	Nguyễn Ngô Tâm Nghi	30/04/2011	6,00	6,00			5,00	5,00	
287	THPT Cần Đước	380279	Đào Ngọc Ái Nhi	06/07/2011	5,00	5,00	6,50	6,50	3,50	3,50	
288	THPT Long Hựu Đông	400082	Lê Võ Hoàng Hữu	18/01/2011			0,00	0,00			

STT	Điểm Thi	SRD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		Ghi chú
289	THPT Trần Đại Nghĩa	420031	Nguyễn Hoàn Tuấn Anh	26/01/2011	4,75	4,75	3,00	3,00	2,75	2,75	
290	THPT Trần Đại Nghĩa	420049	Võ Nguyễn Quỳnh Anh	12/12/2011	7,75	7,75	5,25	5,25			
291	THPT Trần Đại Nghĩa	420114	Lê Đăng Phước Đại	26/05/2011			2,50	2,50			
292	THPT Trần Đại Nghĩa	420115	Nguyễn Duy Đan	26/06/2011			1,50	1,50			
293	THPT Trần Đại Nghĩa	420119	Đỗ Quốc Đạt	18/01/2011			3,75	3,75			
294	THPT Trần Đại Nghĩa	420132	Nguyễn Hải Đăng	27/07/2011			4,50	4,50	3,75	3,75	
295	THPT Trần Đại Nghĩa	420142	Lê Thị Hồng Gấm	27/12/2011			4,25	4,25			
296	THPT Trần Đại Nghĩa	420152	Nguyễn Minh Hà	13/09/2011			4,50	4,50			
297	THPT Trần Đại Nghĩa	420195	Trần Thái Gia Hân	01/07/2011	6,50	6,50			7,50	7,50	
298	THPT Trần Đại Nghĩa	420206	Nguyễn Trọng Hiếu	27/4//2011			1,50	1,50	3,75	3,75	
299	THPT Trần Đại Nghĩa	420216	Lê Quang Học	05/12/2011	7,50	7,50	4,25	4,25	4,50	4,50	
300	THPT Trần Đại Nghĩa	420304	Phan Minh Khang	08/09/2011			3,00	3,00			
301	THPT Trần Đại Nghĩa	420319	Nguyễn Gia Khiêm	06/10/2011	7,25	7,25	5,50	5,50	3,75	3,75	
302	THPT Trần Đại Nghĩa	420323	Hồ Liêu Anh Khoa	02/06/2011					4,50	4,50	
303	THPT Trần Đại Nghĩa	420324	Lâm Tuấn Khoa	05/09/2011	6,00	6,00					
304	THPT Trần Đại Nghĩa	420330	Võ Đăng Khoa	11/10/2011			1,25	1,25	5,00	5,00	
305	THPT Trần Đại Nghĩa	420519	Phan Thị Ngọc Nhi	08/05/2011			4,25	4,25			
306	THPT Trần Đại Nghĩa	420586	Nguyễn Ngọc Khánh Phương	20/10/2011	5,00	5,00	3,25	3,25	7,75	7,75	
307	THPT Trần Đại Nghĩa	420604	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	29/12/2011	5,25	5,25	2,25	2,25	3,50	3,50	
308	THPT Trần Đại Nghĩa	420609	Võ Thị Cao Quyền	26/08/2011	5,00	5,00	3,25	3,25	2,75	2,75	
309	THPT Trần Đại Nghĩa	420624	Nguyễn San San	02/03/2011	6,25	6,25	2,25	2,25	4,00	4,00	
310	THPT Trần Đại Nghĩa	420775	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	15/01/2011	4,00	4,00	3,00	3,00	3,25	3,25	
311	THPT Trần Đại Nghĩa	420787	Nguyễn Quỳnh Trâm	26/11/2011	6,25	6,25	3,00	3,00	3,25	3,25	
312	THPT Trần Đại Nghĩa	420801	Võ Thị Tú Trân	11/10/2011			4,50	4,50			
313	THPT Trần Đại Nghĩa	420850	Dương Hoàng Việt	25/04/2011					2,50	2,50	
314	THPT Trần Đại Nghĩa	420859	Nguyễn Minh Vũ	25/05/2011	6,75	6,75	4,50	4,50	3,50	3,50	
315	THPT Trần Đại Nghĩa	420862	Đỗ Phương Vy	16/10/2011	5,00	5,00					
316	THPT Trần Đại Nghĩa	420902	Trần Thảo Vy	28/07/2011			3,00	3,00			
317	THPT Trần Đại Nghĩa	420912	Võ Thị Yến Vy	17/05/2011	7,00	7,00			3,50	3,50	
318	THPT Trần Đại Nghĩa	420923	Nguyễn Ngọc Như Ý	03/04/2011			5,00	5,00	4,50	4,50	
319	THPT Nguyễn Trung Trực - Hòa Thành	440104	Nguyễn Minh Khang	13/08/2011			2,00	2,00			
320	THPT Nguyễn Trung Trực - Hòa Thành	440124	Nguyễn Hồ Phương Linh	15/07/2011	4,50	4,50	3,25	3,25	2,50	2,50	
321	THPT Nguyễn Trung Trực - Hòa Thành	440138	Ngô Nhật Minh	01/11/2011	5,50	5,50	2,25	2,25	2,75	2,75	

STT	Điểm Thi	SRD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		Ghi chú
322	THPT Nguyễn Trung Trực - Hòa Thành	440142	Trần Tuấn Minh	07/11/2011	5,75	5,75	1,75	1,75			
323	THPT Nguyễn Trung Trực - Hòa Thành	440145	Nguyễn Thị Ngọc My	31/10/2011	5,25	5,25					
324	THPT Nguyễn Trung Trực - Hòa Thành	440215	Võ Minh Sang	11/10/2011	5,75	5,75	2,50	2,50			
325	THPT Nguyễn Trung Trực - Hòa Thành	440260	Bùi Minh Thư	12/07/2011	6,25	6,25	2,00	2,00	2,00	2,00	
326	THPT Nguyễn Trung Trực - Hòa Thành	440269	Lê Thị Soan Trà	21/04/2011			0,00	0,00			
327	THPT Nguyễn Trung Trực - Hòa Thành	440293	Huỳnh Nhật Vy	28/01/2011	6,00	6,00	2,50	2,50	2,25	2,25	
328	THPT Nguyễn Trung Trực - Hòa Thành	440305	Phan Hồng Như Ý	13/08/2011			2,25	2,25			
329	THPT Lý Thường Kiệt	450025	Lê Hoàng Quốc Anh						6,50	6,50	
330	THPT Lý Thường Kiệt	450039	Trần Đăng Phương Anh				6,00	6,00	5,25	5,25	
331	THPT Lý Thường Kiệt	450076	Trương Gia Bảo				2,50	2,50			
332	THPT Lý Thường Kiệt	450088	Nguyễn Ngọc Bảo Châu		6,75	6,75	7,75	7,75	3,50	3,50	
333	THPT Lý Thường Kiệt	450161	Đặng Hoàng Hải		5,75	5,75					
334	THPT Lý Thường Kiệt	450171	Trương Vũ Hào				6,25	6,25			
335	THPT Lý Thường Kiệt	450188	Huỳnh Nhân Hậu		5,25	5,25			6,00	6,00	
336	THPT Lý Thường Kiệt	450204	Hồ Đông Huy				5,25	5,25			
337	THPT Lý Thường Kiệt	450205	Hồ Huỳnh Nhật Huy				4,75	4,75			
338	THPT Lý Thường Kiệt	450222	Nguyễn Lâm Bá Hưng		4,75	4,75	7,25	7,25	2,50	2,50	
339	THPT Lý Thường Kiệt	450252	Nguyễn Thiên Kim		6,00	6,00	3,00	3,00	2,50	2,50	
340	THPT Lý Thường Kiệt	450266	Lê Quang Khang		7,00	7,00	3,50	3,50			
341	THPT Lý Thường Kiệt	450278	Phạm Duy Khang		7,00	7,00	6,25	6,25			
342	THPT Lý Thường Kiệt	450314	Trịnh Đăng Khôi						7,00	7,00	
343	THPT Lý Thường Kiệt	450315	Cao Nguyễn Hoàng Lan				3,50	3,50	5,75	5,75	
344	THPT Lý Thường Kiệt	450316	Đoàn Quế Lam				4,75	4,75			
345	THPT Lý Thường Kiệt	450374	Nguyễn Ngọc Trà My						2,25	2,25	
346	THPT Lý Thường Kiệt	450425	Bùi Phan Như Ngọc						6,75	6,75	
347	THPT Lý Thường Kiệt	450432	Hồ Thái Ngọc		6,75	6,75					
348	THPT Lý Thường Kiệt	450464	Nguyễn Trần Phương Nguyên				3,25	3,25			
349	THPT Lý Thường Kiệt	450473	Nguyễn Thành Nhân				3,75	3,75	3,50	3,50	
350	THPT Lý Thường Kiệt	450502	Huỳnh Bảo Như		7,50	7,50	3,25	3,25	8,25	8,25	
351	THPT Lý Thường Kiệt	450581	Trần Trang Quỳnh		7,75	7,75	3,25	3,25			
352	THPT Lý Thường Kiệt	450582	Trương Võ Như Quỳnh		8,50	8,50	3,00	3,00	3,50	3,50	
353	THPT Lý Thường Kiệt	450606	Nguyễn Thị Cẩm Tiên		5,75	5,75					
354	THPT Lý Thường Kiệt	450628	Nguyễn Lê Anh Tuấn		5,75	5,75	3,25	3,25	3,50	3,50	

STT	Điểm Thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		Ghi chú
355	THPT Lý Thường Kiệt	450667	Võ Đức Thịnh		6,00	6,00	4,50	4,50	4,00	4,00	
356	THPT Lý Thường Kiệt	450713	Nguyễn Ngọc Trâm				4,25	4,25			
357	THPT Lý Thường Kiệt	450736	Đặng Lê Ngọc Trúc						5,75	5,75	
358	THPT Lý Thường Kiệt	450752	Nguyễn Thành Trung				6,50	6,50	2,25	2,25	
359	THPT Lý Thường Kiệt	450762	Huỳnh Khánh Vân		4,50	4,50	7,50	7,50	6,75	6,75	
360	THPT Lý Thường Kiệt	450764	Trần Nguyễn Thúy Vân				7,00	7,00			
361	THPT Lý Thường Kiệt	450786	Đỗ Tường Vy		5,75	5,75	6,00	6,00	3,25	3,25	
362	THPT Lý Thường Kiệt	450806	Nguyễn Ngọc Yến Vy		6,00	6,00	6,00	6,00			
363	THPT Nguyễn Chí Thanh	460028	Nguyễn Nhật Anh	27/09/2011			4,75	4,75			
364	THPT Nguyễn Chí Thanh	460046	Võ Phương Anh	16/10/2011	5,75	5,75	2,50	2,50	4,25	4,25	
365	THPT Nguyễn Chí Thanh	460070	Lê Minh Châu	15/10/2011			4,50	4,50			
366	THPT Nguyễn Chí Thanh	460089	Cao Ngọc Diệp	03/09/2011	7,75	7,75			3,50	3,50	
367	THPT Nguyễn Chí Thanh	460095	Nguyễn Huy Dũng	26/01/2011	5,50	5,50	2,75	2,75	3,00	3,00	
368	THPT Nguyễn Chí Thanh	460125	Võ Thị Mỹ Duyên	19/04/2011					6,75	6,75	
369	THPT Nguyễn Chí Thanh	460104	Nguyễn Bảo Duy	21/09/2011	4,75	4,75	4,00	4,00			
370	THPT Nguyễn Chí Thanh	460163	Đặng Thị Ngọc Giàu	14/12/2011	6,00	6,00	3,50	3,50	2,25	2,25	
371	THPT Nguyễn Chí Thanh	460243	Phạm Nhật Huy	18/11/2011	3,75	3,75	6,00	6,25	1,25	1,25	Lệch điểm
372	THPT Nguyễn Chí Thanh	460255	Nguyễn Gia Hưng	14/03/2011	Bổ sung điểm khuyến khích: 0,5						Giải III điền kinh
373	THPT Nguyễn Chí Thanh	460273	Huỳnh Quốc Kiệt	04/12/2011	6,50	6,50	2,50	2,50	2,25	2,25	
374	THPT Nguyễn Chí Thanh	460340	Nguyễn Võ Nguyên Khôi	19/02/2011	5,25	5,25	3,75	3,75			
375	THPT Nguyễn Chí Thanh	460369	Trần Ngọc Phương Linh	09/03/2011	5,25	5,25					
376	THPT Nguyễn Chí Thanh	460568	Huỳnh Đức Phú	20/02/2011			3,75	3,75			
377	THPT Nguyễn Chí Thanh	460628	Lê Nguyễn Như Quỳnh	12/07/2011	6,25	6,25	3,25	3,25	1,50	1,50	
378	THPT Nguyễn Chí Thanh	460650	Nguyễn Thị Hồng Sơn	23/09/2011			2,25	2,25	3,50	3,50	
379	THPT Nguyễn Chí Thanh	460679	Lê Phước Toàn	23/09/2011			1,50	1,50			
380	THPT Nguyễn Chí Thanh	460691	Lê Huỳnh Thủy Tuyên	20/07/2011	6,00	6,00	1,25	1,25	5,50	5,50	
381	THPT Nguyễn Chí Thanh	460740	Phan Khang Thịnh	30/03/2011	3,50	3,50	5,50	5,50	2,75	2,75	
382	THPT Nguyễn Chí Thanh	460804	Huỳnh Đức Trí	11/01/2011			0,50	0,50			
383	THPT Nguyễn Chí Thanh	460877	Mai Nguyễn Lan Vy	15/04/2011	4,50	4,50					
384	THPT Nguyễn Chí Thanh	460894	Phạm Thị Thảo Vy	11/07/2011	6,75	6,75	5,50	6,00	1,75	1,75	Lệch điểm
385	THPT Nguyễn Chí Thanh	460897	Trang Lê Nhật Vy	27/04/2011			3,25	3,25	3,50	3,50	
386	THPT Lộc Hưng	470008	Hồ Nhựt Anh	26/08/2011	4,50	4,50					
387	THPT Lộc Hưng	470066	Dương Quốc Duy	15/12/2011	3,00	3,00					

STT	Điểm Thi	SRD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		Ghi chú
388	THPT Lộc Hưng	470119	Phạm Trung Hiếu	23/09/2011	4,00	4,00	<u>1,75</u>	<u>2,00</u>	3,25	3,25	Lịch điểm
389	THPT Lộc Hưng	470161	Nguyễn Tuấn Kiệt	18/04/2011	5,00	5,00	1,25	1,25	2,75	2,75	
390	THPT Lộc Hưng	470287	Võ Thành Nhân	21/09/2011	3,67	3,67	2,25	2,25	3,00	3,00	
391	THPT Lộc Hưng	470301	Phan Thanh Nhơn	07/01/2011			0,75	0,75	3,75	3,75	
392	THPT Lộc Hưng	470321	Nguyễn Phan An Phú	26/12/2011			1,75	1,75	1,00	1,00	
393	THPT Lộc Hưng	470395	Dương Ngọc Thái	04/06/2011	5,25	5,25					
394	THPT Trảng Bàng	480113	Đặng Hoàng Hân	21/01/2011			0,50	0,50			
395	THPT Trảng Bàng	480200	Lê Đăng Khoa	30/03/2011	3,75	3,75			3,00	3,00	
396	THPT Nguyễn Trãi	490015	Huỳnh Hiếu Anh	03/10/2011			2,50	2,50			
397	THPT Nguyễn Trãi	490015	Huỳnh Hiếu Anh	03/10/2011					4,50	4,50	
398	THPT Nguyễn Trãi	490157	Hồ Thuỷ Hằng	13/04/2011			3,50	3,50	3,75	3,75	
399	THPT Nguyễn Trãi	490307	Bùi Trần Phát Lộc	24/01/2011			5,00	5,00			
400	THPT Nguyễn Trãi	490400	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	28/03/2011	5,00	5,00			1,50	1,50	
401	THPT Nguyễn Trãi	490510	Hồ Ngọc Uyên Phương	08/01/2011	6,17	6,17	<u>4,00</u>	<u>4,25</u>	2,00	2,00	Lịch điểm
402	THPT Nguyễn Trãi	490580	Trần Cảnh Toàn	14/11/2011			2,50	2,50			
403	THPT Nguyễn Trãi	490665	Trần Ngọc Anh Thư	20/11/2011	5,50	5,50	1,50	1,50	4,00	4,00	
404	THPT Quang Trung	500050	Lê Nguyễn Thế Bảo	12/10/2011			6,75	6,75			
405	THPT Quang Trung	500145	Cao Thị Ngọc Giàu	02/01/2011	5,50	5,50					
406	THPT Quang Trung	500198	Mai Trung Hiếu	07/08/2011					0,00	0,00	
407	THPT Quang Trung	500304	Trần Quốc Khánh	10/02/2011	6,50	6,50	1,25	1,25			
408	THPT Quang Trung	500321	Nguyễn Anh Khôi	25/09/2011	4,25	4,25	0,75	0,75	3,50	3,50	
409	THPT Quang Trung	500393	Nguyễn Hoàng Minh	02/10/2011			4,50	4,50			
410	THPT Quang Trung	500517	Nguyễn Lý Bảo Như	19/05/2011	4,50	4,50	3,75	3,75			
411	THPT Quang Trung	500542	Nguyễn Tiến Phát	11/02/2011			<u>2,00</u>	<u>2,50</u>			Lịch điểm
412	THPT Quang Trung	500559	Ngô Hoàng Phúc	18/03/2011	6,50	6,50	1,50	1,50	<u>2,75</u>	<u>3,00</u>	Lịch điểm
413	THPT Quang Trung	500860	Huỳnh Phương Việt	21/06/2011	4,75	4,75	2,50	2,50			
414	THPT Bình Thạnh	510084	Giang Thị Diễm Hương	16/10/2011			0,00	0,00			
415	THPT Bình Thạnh	510159	Vương Lâm Bảo Ngọc	09/03/2011			<u>1,75</u>	<u>7,75</u>			Điểm trên bài trước PK: 7,5
416	THPT Bình Thạnh	510311	Trần Thị Tường Vy	13/03/2011	1,75	1,75	1,25	1,25	2,25	2,25	
417	THPT Ngô Gia Tự	520041	Bùi Thành Danh	27/04/2010	4,00	4,00	3,00	3,00	2,50	2,50	
418	THPT Ngô Gia Tự	520052	Lâm Duy Dương	09/11/2011	4,00	4,00	2,75	2,75	2,75	2,75	

STT	Điểm thi	SRD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		Ghi chú
419	THPT Ngô Gia Tự	520231	Đặng Thị Quỳnh Như	06/07/2011	5,25	5,25	<u>1,75</u>	<u>2,00</u>	1,25	1,25	Lệch điểm
420	THPT Ngô Gia Tự	520259	Phạm Nhã Phương	28/8/2011	3,50	3,50	2,75	2,75	2,75	2,75	
421	THPT Ngô Gia Tự	520362	Phạm Minh Trọng	28/10/2011	3,75	3,75	3,00	3,00	2,50	2,50	
422	THPT Nguyễn Văn Trỗi	540241	Võ Trọng Nghĩa	27/11/2011	4,00	4,00	4,00	4,00			
423	THPT Nguyễn Thái Bình	550185	Hồ Nguyễn Trung Kiên	19/04/2011			0,00	0,00			
424	THPT Nguyễn Thái Bình	550220	Nguyễn Thành Lộc	29/03/2011			6,75	6,75			
425	THPT Nguyễn Thái Bình	550349	Huỳnh Thanh Phúc	30/07/2011	3,50	3,50	1,25	1,25	2,25	2,25	
426	THPT Nguyễn Thái Bình	550377	Nguyễn Mộng Quỳnh	31/10/2011	3,00	3,00					
427	THPT Tân Châu	560033	Trần Lý Tuấn Anh	03/10/2011	3,50	3,50	2,25	2,25			
428	THPT Tân Châu	560098	Phạm Tấn Duy	18/12/2009	3,25	3,25	1,50	1,50	2,50	2,50	
429	THPT Tân Châu	560204	Hoàng Văn Gia Huy	09/11/2011	4,50	4,50	2,25	2,25			
430	THPT Tân Châu	560256	Trương Trọng Khang	14/07/2011	5,00	5,00	2,00	2,00	2,75	2,75	
431	THPT Tân Châu	560326	Nguyễn Thị Tuyết Mai	06/12/2011	4,25	4,25	2,75	2,75			
432	THPT Tân Châu	560375	Trần Gia Nghiêm	24/06/2011	4,00	4,00			2,25	2,25	
433	THPT Tân Châu	560411	Nguyễn Thị Yến Nhi	28/02/2011	3,75	3,75	2,50	2,50	3,50	3,50	
434	THPT Tân Châu	560427	Nguyễn Thị Huyền Như	22/11/2010	4,75	4,75	2,00	2,00	1,75	1,75	
435	THPT Tân Châu	560456	Huỳnh Thanh Phong	13/01/2011	5,50	5,50	2,00	2,00			
436	THPT Tân Châu	560599	Đặng Thị Quyền Trang	22/07/2011	4,75	4,75	2,75	2,75			
437	THPT Tân Châu	560639	Trần Minh Trí	24/09/2011	4,50	4,50	2,75	2,75			
438	THPT Tân Đông	570038	Trần Văn Cường	13/02/2011			1,25	1,25	1,25	1,25	
439	THPT Tân Đông	570061	Hoàng Nhật Đức	12/03/2011	4,75	4,75			1,25	1,25	
440	THPT Tân Đông	570073	Cao Minh Hào	20/10/2011	4,25	4,25	0,75	0,75			
441	THPT Tân Đông	570212	Bùi Vũ Nguyên	20/01/2011	4,25	4,25	<u>2,50</u>	<u>3,00</u>			Lệch điểm
442	THPT Lê Duẩn	580089	Phạm Gia Huy	21/5/2011	2,75	2,75	2,50	2,50			
443	THPT Lương Thế Vinh	600114	Bùi Chí Khang	21/02/2011	3,25	3,25			3,00	3,00	
444	THPT Lương Thế Vinh	600314	Phùng Nhã Trúc	02/11/2011	4,25	4,25	2,00	2,00			
445	THPT Hoàng Văn Thụ	610290	Nguyễn Hoàng Lâm	04/7/2011			1,50	1,50			
446	THPT Hoàng Văn Thụ	610321	Nguyễn Ngọc Minh	26/8/2011	4,50	4,50					
447	THPT Hoàng Văn Thụ	610344	Dương Quốc Nam	22/9/2011	3,75	3,75	2,00	2,00			
448	THPT Hoàng Văn Thụ	610401	Bùi Thị Ngọc Nhi	17/7/2011	4,50	4,50	1,25	1,25	3,50	3,50	
449	THPT Hoàng Văn Thụ	610455	Đỗ Nguyễn Minh Phi	27/12/2011	6,50	6,50					
450	THPT Nguyễn Huệ	630020	Võ Huỳnh Anh	22/10/2011	4,25	4,25					
451	THPT Nguyễn Huệ	630302	Nguyễn Minh Quân	27/5/2011	3,75	3,75	2,00	2,00	1,75	1,75	

STT	Điểm thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		Ghi chú
452	THPT Nguyễn Huệ	630410	Đặng Mai Minh Trí	03/11/2011	4,25	4,25	2,50	2,50	2,00	2,00	
453	THPT Nguyễn Huệ	630411	Nguyễn Anh Trí	04/04/2011	4,50	4,50	2,00	2,00	2,50	2,50	
454	THPT Huỳnh Thúc Kháng	640111	Lê Hoàng Minh	20/03/2011			0,00	0,00			
455	THPT Tây Ninh	650085	Nguyễn Nhật Duy	19/11/2011	6,50	6,50	4,75	4,75	3,75	3,75	
456	THPT Tây Ninh	650126	Nguyễn Ngọc Hà	01/02/2011	5,75	5,75	7,00	7,00	6,75	6,75	
457	THPT Tây Ninh	650129	Lê Thanh Hải	19/02/2011	6,25	6,25	8,00	8,00	5,00	5,00	
458	THPT Tây Ninh	650151	Trần Phương Hiếu	17/12/2011			<u>3,75</u>	<u>4,00</u>	5,25	5,25	Lịch điểm
459	THPT Tây Ninh	650169	Nguyễn Thế Huy	20/03/2011	6,50	6,50	6,00	6,00	5,00	5,00	
460	THPT Tây Ninh	650254	Bùi Phương Linh	28/04/2011			5,75	5,75	5,00	5,00	
461	THPT Tây Ninh	650275	Nguyễn Ngọc Sao Mai	26/10/2011	6,50	6,50	3,25	3,25	7,50	7,50	
462	THPT Tây Ninh	650302	Phan Ngọc Thảo My	04/03/2011			3,50	3,50			
463	THPT Tây Ninh	650323	Lê Huỳnh Mẫn Nghi	20/12/2011			5,00	5,00			
464	THPT Tây Ninh	650407	Trần Châu Phúc	17/04/2011	6,75	6,75	6,00	6,00	4,25	4,25	
465	THPT Tây Ninh	650411	Võ Hoàng Thái Phúc	08/11/2011			5,00	5,00	<u>5,25</u>	<u>5,50</u>	Lịch điểm
466	THPT Tây Ninh	650437	Phùng Phú Sang	06/11/2011			5,00	5,00	3,00	3,00	
467	THPT Tây Ninh	650463	Trần Thị Bích Tuyền	08/12/2011			3,50	3,50			
468	THPT Tây Ninh	650495	Nguyễn Phan Ngân Thùy	02/04/2011			5,00	5,00			
469	THPT Tây Ninh	650518	Ngô Thanh Trà	30/06/2011			4,50	4,50			
470	THPT Tây Ninh	650527	Trần Thị Huyền Trâm	15/05/2011	7,75	7,75	6,25	6,25	4,00	4,00	
471	THPT Tây Ninh	650532	Võ Nguyễn Bảo Trân	08/08/2011			3,75	3,75			
472	THPT Tây Ninh	650537	Võ Thành Trí	30/11/2011	<u>4,25</u>	<u>4,75</u>			8,00	8,00	Lịch điểm
473	THPT Tây Ninh	650547	Nguyễn Thị Thanh Trúc	02/09/2011			3,50	3,50	2,75	2,75	
474	THPT Tây Ninh	650571	Hà Khánh Vy	28/10/2011	5,50	5,50	3,00	3,00	2,50	2,50	
475	THPT Lê Quý Đôn - Tân Ninh	80002031	Đặng Ngọc Minh Châu	23/08/2011	2,75	2,75	0,50	0,50	3,50	3,50	
476	THPT Lê Quý Đôn - Tân Ninh	80002072	Hồ Lê Đoàn	10/12/2011			2,00	2,00	1,75	1,75	
477	THPT Lê Quý Đôn - Tân Ninh	80002094	Dương Nhựt Hòa	15/01/2011			3,25	3,25			
478	THPT Lê Quý Đôn - Tân Ninh	80002215	Nguyễn Thị Thảo Ngân	24/10/2011	6,25	6,25					
479	THPT Lê Quý Đôn - Tân Ninh	80002278	Trần Thiện Phú	09/11/2011	6,00	6,00	3,00	3,00			
480	THPT Lê Quý Đôn - Tân Ninh	80002299	Nguyễn Thị Như Quỳnh	04/11/2011	4,75	4,75	3,00	3,00			
481	THPT Lê Quý Đôn - Tân Ninh	80002438	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	30/03/2011	4,25	4,25			3,50	3,50	
482	THPT chuyên Trần Văn Giàu	120020	Vũ Văn Anh	20/04/2011			6,50	6,50			
483	THPT chuyên Trần Văn Giàu	120047	Nguyễn Hữu Minh Đức	23/01/2010	7,75	7,75	7,50	7,50	9,00	9,00	
484	THPT chuyên Trần Văn Giàu	120180	Nguyễn Hoàng Thanh Tâm	09/02/2011	7,17	7,17	5,75	5,75			

STT	Điểm thi	SRĐ	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		Ghi chú
485	THPT chuyên Trần Văn Giàu	120189	Bùi Vĩnh Thịnh	24/10/2011	7,50	7,50	6,50	6,50			
486	THPT chuyên Trần Văn Giàu	120198	Nguyễn Việt Tiến	20/05/2011	7,50	7,50					
487	THPT chuyên Trần Văn Giàu	120291	Nguyễn Ngọc Hân	27/07/2011					8,00	8,00	
488	THPT chuyên Trần Văn Giàu	120332	Trần Xuân Mai	22/02/2011	9,25	9,25					
489	THPT chuyên Trần Văn Giàu	120545	Lê Huỳnh Phương Thảo	22/03/2011			4,50	4,50			
490	THPT chuyên Trần Văn Giàu	120620	Trần Nguyễn Gia Hân	20/09/2011	8,00	8,00					
491	THPT chuyên Trần Văn Giàu	120660	Phan Ngọc Huyền Trân	24/06/2011	7,00	7,00	6,50	6,50	6,75	6,75	
492	THPT chuyên Trần Văn Giàu	120685	Trần Gia Hân	07/05/2011			8,50	8,50			
493	THPT chuyên Trần Văn Giàu	120744	Trần Gia Ngọc Cát Tường	22/06/2011			8,25	8,25			
494	THPT chuyên Trần Văn Giàu	120800	Nguyễn Hữu Thịnh	22/04/2011	6,50	6,50	7,00	7,00			
495	THPT chuyên Trần Văn Giàu	120830	Mai Anh Quân	07/06/2011	8,50	8,50	6,75	6,75	5,00	5,00	
496	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410009	Mã Lê Quỳnh Anh	15/05/2011	8,00	8,00					
497	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410035	Nguyễn Ngọc Minh Châu	18/12/2011			7,75	7,75			
498	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410048	Hồ Nguyễn Ngọc Hà	03/12/2011			7,25	7,25			
499	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410054	Nguyễn Mai Bảo Hân	05/09/2011			<u>5,75</u>	<u>6,00</u>			Lệch điểm
500	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410069	Hoàng Nam Hưng	24/07/2011	8,25	8,25			9,00	9,00	
501	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410075	Trần Dũng Kiên	09/10/2011	7,50	7,50					
502	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410098	Võ Minh Khôi	18/12/2011	7,50	7,50	8,50	8,50			
503	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410099	Trần Cao Ngọc Lam	23/04/2011					8,25	8,25	
504	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410111	Nguyễn Ngô Mộc Miên	30/04/2011	8,00	8,00	8,50	8,50			
505	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410113	Lê Nguyễn Trúc Minh	18/04/2011	9,00	9,00	7,00	7,00			
506	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410119	Nguyễn Hải Nam	12/08/2011			2,75	2,75	6,50	6,50	
507	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410139	Thái Khánh Ngọc	16/08/2011	8,00	8,00					
508	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410154	Trần Tấn Phát	02/07/2011					8,50	8,50	
509	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410157	Trần Thành Phú	14/10/2011			7,00	7,00			
510	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410175	Lưu Tấn Quyền	17/12/2011			7,50	7,50			
511	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410180	Trần Ngọc Trúc Quỳnh	13/02/2011	7,50	7,50					
512	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410235	Bùi Thị Ngọc Vy	05/01/2011			7,75	7,75			
513	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410255	Nguyễn Trần Bảo Anh	11/05/2011			7,50	7,50			
514	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410258	Phạm Việt Anh	11/04/2011			8,25	8,25	8,25	8,25	
515	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410274	Nguyễn Huỳnh Thành Duy	21/02/2011			4,00	4,00	6,25	6,25	
516	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410316	Trịnh Hoàng Thiên Kim	25/01/2011			7,25	7,25			
517	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410323	Trần Quang Chí Khang	06/03/2011	6,50	6,50	7,25	7,25			

STT	Điểm Thi	SRD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		Ghi chú
518	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410328	Nguyễn Ngọc Anh Khoa	27/11/2011			6,25	6,25			
519	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410356	Võ Thị Trà My	21/06/2011					6,50	6,50	
520	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410370	Trương Tư Nhã	18/09/2011							
521	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410374	Nguyễn Lâm Tâm Như	12/02/2011			7,25	7,25	7,00	7,00	
522	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410390	Huỳnh Nhật Phương	19/11/2011	7,50	7,50					
523	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410438	Hoàng Lam Anh	24/06/2011			6,25	6,25			
524	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410456	Võ Trí Đức	26/06/2011			6,75	6,75			
525	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410460	Đặng Ngân Hà	23/04/2011			7,75	7,75			
526	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410509	Trần Võ Bảo Ngọc	17/04/2011			5,00	5,00			
527	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410540	Nguyễn Duy Thanh	04/06/2011			6,25	6,25			
528	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410553	Đỗ Ngọc Trâm	28/06/2011			4,25	4,25			
529	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410586	Lê Ngọc Gia Kỳ	29/04/2011					4,00	4,00	
530	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410630	Nguyễn Cao Hồng Nguyên	09/08/2011			2,75	2,75			
531	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410666	Nguyễn Gia Nghi	12/09/2011			4,00	4,00	3,00	3,00	
532	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410693	Nguyễn Quế Trân	01/01/2011					5,50	5,50	
533	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410694	Võ Nguyễn Diễm Trúc	27/04/2011			6,00	6,00			
534	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410713	Nguyễn Ngọc Diệp	16/09/2011			6,75	6,75	7,50	7,50	
535	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410714	Phạm Hùng Dũng	14/08/2011	7,50	7,50	7,25	7,25	7,75	7,75	
536	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410751	Lê Thanh Ngọc	25/10/2011			7,75	7,75			
537	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410781	Nguyễn Hồ Minh Thư	06/02/2011	6,00	6,00					
538	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410788	Nguyễn Hồng Uy	09/09/2011	6,00	6,00					
539	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410803	Phan Thanh Giàu	23/09/2010			4,75	4,75	5,00	5,00	
540	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410805	Tạ Phúc Hiền	20/09/2010			5,75	5,75			
541	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410811	Nguyễn Văn Khánh	10/02/2011	8,25	8,25					
542	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410825	Trần Thanh Tuyết Minh	14/08/2011			5,50	5,50			
543	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410836	Phạm Đặng Phát	29/10/2011			7,25	7,25			
544	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410850	Nguyễn Hoàng Thái	06/12/2011	7,50	7,50	8,00	8,00	3,50	3,50	
545	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410857	Trần Ngọc Nhã Trúc	28/11/2011			7,00	7,00			
546	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410871	Phùng Quang Đạt	05/07/2011					8,00	8,00	
547	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	410890	Trần Vũ Anh Khoa	19/10/2011			7,00	7,00	6,00	6,00	

Tổng số 547 thí sinh, trong đó:

- Môn Ngữ văn có **04** thí sinh thay đổi điểm.

STT	Điểm Thi	SRD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Ghi chú
	- Môn Toán có 12 thí sinh thay đổi điểm. - Môn Tiếng anh có 04 thí sinh thay đổi điểm. - 01 thí sinh được bổ sung điểm khuyến khích 0,5							